TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **55** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 278/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2023 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trịnh Ngọc V**, sinh năm: 1987; CCCD số 075187018266 cấp ngày 10/8/2021.

Nơi thường trú: Số 150/5, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số 140, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Đình T**, sinh năm:1983

Địa chỉ: Số 150/5, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị V, anh T cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 20/3/2023, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trịnh Ngọc V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Vũ Đình T có quen biết tìm hiểu khoảng 05 tháng thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/4/2011. Đây là hôn nhân lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 150/5, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, đây là nhà của ba mẹ chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau khi tôi sinh bé thứ nhất được mấy được mấy ngày thì

anh T bỏ đi khoảng 5 tháng sau mới về lại nhà, tôi không biết anh T đi đâu làm gì, cũng không liên lạc về nhà, anh T không liên lạc về nhà cũng không chu cấp tiền nuôi con, sau khi anh T về lại tôi đã tha thứ cho anh T để hai vợ chồng tiếp tục chung sống, anh T ở nhà được khoảng 2-3 tháng thì tôi có bầu bé thứ hai anh T lại bỏ nhà đi đến khi bầu bé được khoảng 4 tháng rưỡi anh mới về ở tới khi tôi sinh con cháu Khánh xong thì anh T ở nhà được khoảng 01 năm thì anh T lại đi, cứ như vậy anh T đi đi về về mấy tháng một lần, mỗi lần đi anh T thường thay số điện thoại không cho tôi liên lạc được, tôi không biết anh làm gì ở đâu, anh là người không có trách nhiệm với gia đình con cái, chưa từng chu cấp tôi một đồng nào nuôi con, đã rất nhiều lần tôi tha thứ cho anh T để hai vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh T vẫn không thay đổi, thường xuyên bỏ nhà đi không rõ tung tích, về nhà không chú tâm làm việc lo cho con cái mà thường xuyên gây sự với vợ. Đỉnh điểm vào ngày 08/3/2023 anh T về nhà gây sự đánh đập tôi và đuổi tôi ra khỏi nhà, sau khi anh T đánh đập tôi, tôi đã ra Công an xã G để trình báo tuy nhiên công an hướng dẫn tôi về báo Hội phụ nữ xã nên tôi đã qua Hội phụ nữ báo, vài ngày sau vì mâu thuẫn trầm trọng nên tôi đã dọn về nhà cha mẹ đẻ sống tại 140, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay anh T cũng không quan tâm cuộc sống vợ chồng, anh có qua nhà tôi đòi đưa con về nhà tuy nhiên tôi không đồng ý. Thời gian đầu khi tôi về nhà anh T thường qua nhà tôi gây sự chửi bới và xúc phạm gia đình tôi.

Mâu thuẫn vợ chồng tôi gia đình đều biết và cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Vũ Đình T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là cháu Vũ Hoàng Minh T1, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Vũ Đình K, sinh ngày 25/8/2013. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện tôi làm may tại nhà thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6 triệu đồng. Ngoài ra tôi đã dọn về nhà sống cùng cha mẹ nên được cha mẹ phụ giúp việc chăm sóc và hỗ trợ tài chính nuôi dạy con cái.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2023 bị đơn anh Vũ Đình T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Trịnh Ngọc V quen biết tìm hiểu khoảng 05-06 tháng thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/4/2011.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 150/5, ấp D, xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, đây là nhà của cha mẹ tôi. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng 16/3/2023 nguyên nhân do chị V lấy tiền chi tiêu trong gia đình để cho người khác (là con trai) vay tiền, chúng tôi có lời qua tiếng lại rồi chị V bỏ về nhà cha mẹ đẻ để ở cho đến nay. Khi chị V bỏ đi về ngoại tôi có qua xin lỗi và khuyên nhủ chị V.

Tôi cũng đã nhiều lần xin lỗi và mong muốn chị V quay về nhà để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái, tuy nhiên chị V vẫn kiên quyết không quay về nhà. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng gần 03 tháng nay.

Khi ly thân chị V đưa cả 02 cháu Vũ Hoàng Minh T1 và Vũ Đình K về sống tại nhà ngoại. Từ đó đến ngày 28/4/2023 tôi vẫn thường xuyên qua nhà chị V để thăm các con và mua đồ cho các con. Tuy nhiên sau đó tôi qua nhà chị V và bị em trai chị V chặn đường và đánh tôi nên từ đó tôi không còn qua lại.

Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không thể hàn gắn được nữa do tôi đã cố gắng níu kéo nhiều lần nhưng không được, vợ chồng không còn thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống hàng ngày. Tuy nhiên do tôi là người theo đạo công giáo nên ly hôn là lỗi đạo, tôi vẫn mong chị V quay về cùng nhau nuôi dạy con cái, tuy nhiên nếu chị V vẫn kiên quyết ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng Minh T1, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Vũ Đình K, sinh ngày 25/8/2013. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn tôi đồng ý giao 02 con chung cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu và chị V không có trách nhiệm với gia đình tự ý bỏ đi khỏi nhà. Tôi sẽ thăm nom và chu cấp cho con theo khả năng của mình. Tôi đề nghị Tòa án đảm bảo quyền thăm nom con cho tôi.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:***

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Ngọc V được ly hôn với anh Vũ Đình T.

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng Minh T1, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Vũ Đình K, sinh ngày 25/8/2013 cho chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị Trịnh Ngọc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Bị đơn anh Vũ Đình T hiện đang cư trú tại số 150/5, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự*: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Ngọc V và anh Vũ Đình T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 18/4/2011. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị V và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị V đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự cho thấy quá trình chung sống chị V và anh T đã để xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, thấu hiểu nhau, thậm chí thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù quá trình mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình tích cực hòa giải và vợ chồng cũng tự hòa giải cho nhau nhưng vẫn không khắc phục được, vợ chồng ly thân nhau khoảng nửa năm nay.

Theo nguyên đơn chị V cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, anh T cũng thừa nhận quá trình sống ly thân vợ chồng không còn qua lại nhau và không có biện pháp hàn gắn dù anh có qua nhà chị V để khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã đến nơi cư trú của anh T xác minh thu thập chứng cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị chị V và anh T cùng với đó đến nhà anh T để lấy lời khai, anh T đồng ý cung cấp lời khai theo đó anh cũng thừa nhận tình cảm vợ chồng đã dần phai nhạt do vợ

chồng đã sống ly thân và không qua lại một thời gian, Tòa án đã tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh T vắng mặt không tham gia hòa giải cũng không lên Tòa án để làm việc với lý do bận công việc, anh T cũng không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị V và anh T đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng chung sống có 02 (hai) con chung là cháu Vũ Hoàng Minh T1, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Vũ Đình K, sinh ngày 25/8/2013, hiện nay cháu Tuyết và cháu Khánh đang sống cùng chị V và gia đình chị V.

Xét yêu cầu, ý kiến của các đương sự trong vấn đề nuôi dưỡng con chung, nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị V và anh T xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân, cháu T1 và cháu K do chị V trực tiếp nuôi dưỡng, các cháu đều phát triển tốt, anh T và chị V đều thống nhất ý kiến với nhau về việc giao cả hai con chung cho chị V được trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần ghi nhận ý kiến của anh chị trong vấn đề này. Chị V hiện đang làm may tại nhà thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 6-7 triệu đồng, chị V có điều kiện về thời gian để chăm sóc cho các con, ngoài ra chị V chung sống cùng gia đình nên có sự hỗ trợ cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cho con. Nhận thấy, chị V có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu Vũ Hoàng Minh T và cháu Vũ Đình K cho chị Trịnh Ngọc V được trực trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nguyện vọng của các con.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị V và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Ngọc V về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trịnh Ngọc V được ly hôn với anh Vũ Đình T.

2. *Về con chung:* Giao cháu Vũ Hoàng Minh T1, sinh ngày 18/3/2012 và cháu Vũ Đình K, sinh ngày 25/8/2013 cho chị V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị V không có yêu cầu.

Anh Vũ Đình T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trịnh Ngọc V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009305 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Trịnh Ngọc V và anh Vũ Đình T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND H.Thống Nhất;
- Chi cục THADS H.Thống Nhất;
- UBND xã G, H. T, T. Đồng Nai
(số ĐKKH 34/2011, quyển số 01/2011 ngày 18/4/2011);
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Ngọc Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Phan Ngọc Thành